

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 22 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH ANGIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Hoa Hương;
- Ông Huỳnh Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2023/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1968, nơi sinh: Thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Tổ A, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn K (đã chết) và bà Mai Thị N (đã chết); anh chị em ruột không có, bị cáo chưa có chồng, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Ngày 07/6/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố K kết án 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Đánh bạc”; chấp hành xong, xóa án tích.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ 06/7/2022 đến ngày 03/10/2022 được tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo H: Bà Lê Hồ Bích H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A; địa chỉ: Số H, đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Quách Thị Tuyết S, sinh năm 1987; nơi sinh: thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ A, khóm C, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn C (đã chết) và bà Lê Thị H2, sinh năm 1949; anh chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ tám; chồng tên Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1988; có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/7/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo S: Ông Đào Ngọc Q, sinh năm 1993; là Luật sư Công ty L4 chi nhánh P; thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

3. Hồ Thị Mỹ D, sinh năm 1984; nơi sinh: thành phố C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh nhà trọ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Thế M, sinh năm 1956 và bà Đoàn Thị Bích T, sinh năm 1956; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ tư; chồng tên Phạm Hữu B, sinh năm 1981; con có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/11/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo D: Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1981; là Luật sư của Công ty L4 – Chi nhánh C3, thuộc đoàn Luật sư thành phố H.

4. Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981; nơi sinh huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Bùi Thị N2, sinh năm 1940; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; chồng tên Dương Văn G, sinh năm 1981; con có 02 người, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/11/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1980; là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

5. Huỳnh Thị Kim B, sinh năm 1978; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ F, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh , An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S1 (đã chết) và bà Lê Thị N3, sinh năm

1951; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; chồng tên Phan Trường L1, sinh năm 1974; con có 03 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/7/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị N4, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ D, khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Đài T3, sinh năm 1979, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1962, vắng mặt;

- Bà Trần Thị T4, sinh năm 1967, vắng mặt;

- Ông Lâm Văn L3, sinh năm 1974, vắng mặt;

- Ông Dương Văn G, sinh năm 1981, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Thành B2, sinh năm 1965, vắng mặt;

- Ông Hồ Minh T5, sinh năm 1987, vắng mặt;

- Bà Lê Thị Bé Y, sinh năm 1998, vắng mặt;

- Ông Phạm Hữu B, sinh năm 1982, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06/7/2022 nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng phối hợp Công an thành phố C và Công an phường V, thành phố C kiểm tra nhà của Quách Thị Tuyết S thuộc tổ A, khóm C, phường V, thành phố C phát hiện, bắt quả tang S đang có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi bán số đề được thua bằng tiền với nhiều người, thu giữ 03 tờ phôi lẻ và 03 tờ phôi đề tổng, số tiền thể hiện trên các phôi đề theo kết quả xổ số kiến thiết đài thành phố Cần Thơ, mở thưởng ngày 06/7/2022 là 2.181.000 đồng; 01 cây bút mực xanh; 01 tờ giấy scan màu xanh; tiền Việt Nam 15.030.000 đồng; 01 điện thoại di động Oppo Reno4, gắn sim số 0949.912.940. S khai: Phôi số đề bị thu giữ do S ghi bán cho nhiều người, thể hiện 03 tờ phôi, tổng số tiền 2.181.000 đồng, đang tổng hợp để giao nộp cho thầu số đề sử dụng tài khoản Zalo “Ruby” (không rõ lai lịch), bị phát hiện, bắt quả tang. Trước ngày bị bắt quả tang, vào ngày 04/7/2022 S ghi bán số đề cho nhiều người, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Đồng Tháp, ghi bán 6.483.000 đồng, người chơi trúng 7.820.000 đồng, số tiền đánh bạc 14.303.000 đồng; dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Miền B3, ghi bán 3.920.000 đồng, người chơi trúng 9.520.000 đồng, số tiền đánh bạc 13.440.000 đồng. Ngày 05/7/2022, dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Bạc Liêu, ghi bán 6.352.000 đồng, người chơi trúng 2.440.000 đồng, số tiền đánh

bạc 8.792.000 đồng; dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Miền B3, ghi bán 3.599.000 đồng, người chơi trúng 2.110.000 đồng, số tiền đánh bạc 5.709.000 đồng. Hằng ngày, S giao nộp cho thầu số đề sử dụng tài khoản Zalo “Ruby” (không rõ lai lịch), sau khi có kết quả xổ số kiến thiết, S tính toán số tiền thắng thua, trực tiếp giao, nhận tiền số đề với Phan Thị Cẩm H.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/7/2022, sau khi có kết quả xổ số kiến thiết, biết S bị bắt quả tang, H đầu thú, khai nhận hành vi giúp sức cho người nam sử dụng tài khoản Zalo “Ruby” giao nhận tiền đánh bạc với S và giao nộp 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5; 01 điện thoại di động Iphone 6; tiền Việt Nam 4.525.000 đồng.

Quá trình điều tra, còn xác định: Trong ngày 06/7/2022, H ghi bán số đề qua 12 tin nhắn và nhận 10 phôi số đề của Võ Thị N4, Huỳnh Thị Kim B1, Nguyễn Thị Đài T3, Nguyễn Thị Mỹ L, tài khoản Z “Vt” (không rõ lai lịch), đài C4, số tiền 31.824.000 đồng, trúng thưởng 59.560.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 91.384.000 đồng. Trong đó xác định:

- Huỳnh Thị Kim B1 sử dụng tài khoản Zalo “1 Chi ba” gửi 02 tờ phôi, 01 tin nhắn mua số đề, số tiền 4.789.000 đồng, B1 trúng thưởng 2.360.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 7.149.000 đồng.

- Nguyễn Thị Mỹ L sử dụng tài khoản Zalo “Loan G1” gửi 01 tờ phôi, số tiền trên phôi 8.475.000 đồng, trúng thưởng 15.600.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 24.075.000 đồng.

- Người phụ nữ sử dụng tài khoản Zalo “Vt” (không rõ lai lịch) gửi 02 tờ phôi và 09 tin nhắn, số tiền trên phôi 13.750.000 đồng, trúng thưởng 41.600.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 55.350.000 đồng.

- Võ Thị N4 sử dụng tài khoản Zalo “Chị T6” gửi 05 tờ phôi, số tiền 3.660.000 đồng, N4 không trúng thưởng.

- Nguyễn Thị Đài T3 sử dụng tài khoản Zalo “Đài T3” gửi 02 tin nhắn mua số đề, số tiền mua 1.150.000 đồng, không trúng thưởng.

Sau khi nhận được các phôi đề trên, H tổng hợp, gửi chuyển tiếp 10 phôi số đề, 06 tin nhắn của N4, B1, T3, L, người sử dụng tài khoản Zalo “Vt” cho thầu số đề Hồ Thị Mỹ D, số tiền 25.424.000 đồng, khách trúng 19.560.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của D 44.984.000 đồng. Riêng 04 tin nhắn của tài khoản Zalo “Vt”, H nộp cho thầu số đề sử dụng tài khoản Zalo “Ita”, số tiền 5.800.000 đồng, trúng 40.000.000 đồng; số đề trên phôi còn lại 600.000 đồng, H tự giữ lại tính thắng thua với người mua số đề, không trúng thưởng. Qua mời làm việc, D, B1, L thừa nhận hành vi đánh bạc nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 03 tờ phôi đề lẻ và 03 tờ phôi đề tổng, số tiền thể hiện trên các phôi đề theo kết quả xổ số kiến thiết đài thành phố Cần Thơ, mở thưởng ngày 06/7/2022 là 2.181.000 đồng, 01 cây bút mực xanh, 01 tờ giấy scan màu xanh, tiền Việt

Nam 15.030.000 đồng, 01 điện thoại di động Oppo Reno4, gắn sim số 0949.912.940 (thu giữ của bị cáo S);

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5, gắn sim số 0914.068.676, 01 điện thoại di động Iphone 6, gắn sim số 0827.909.507, tiền Việt Nam 4.525.000 đồng (thu giữ của bị cáo H);

- 01 điện thoại di động Vivo Y55, gắn sim số 0818.583.338, tiền Việt Nam 4.789.000 đồng (thu giữ của bị cáo B1);

- 02 điện thoại di động Iphone 6 Plus, gắn sim số 0982.297.759 và 0917.070.974 (thu giữ của bị cáo D và bị cáo L); tiền Việt Nam 3.660.000 đồng, 01 tờ phoi số đề ghi bán ngày 06/7/2022 dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Cần Thơ với số tiền thể hiện trên phoi là 3.660.000 đồng (của Võ Thị N4).

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố các bị can H, S, D, L, B1.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSCĐ - HS ngày 14/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Quách Thị Tuyết S, Hồ Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Mỹ L, Huỳnh Thị Kim B1 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Riêng Phan Thị Cẩm H theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo H khai: Thống nhất hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng thể hiện và thống nhất số tiền đã đánh bạc. Ngày 06/7/2023, sau khi có kết quả xổ số, bị cáo đi đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có làm trung gian giao nhận tiền thắng thua số đề với với bị cáo S. Bị cáo không nhớ rõ số tiền thu lợi; dùng số tiền này để trang trải sinh hoạt gia đình.

- Bị cáo S khai: Thống nhất hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng thể hiện; ngày 06/7/2023 bị bắt quả tang; thống nhất về các lần đánh bạc và số tiền đánh bạc.

Đối với số tiền thu giữ 15.030.000 đồng, có 1.80.000 đồng là tiền thu được của những người mua số đề, dùng đánh bạc, còn lại 13.950.000 đồng là tiền cá nhân, không dùng đánh bạc. Bị cáo ghi bán số đề hưởng huê hồng, số tiền thu lợi bất chính khoảng 1.500.000 đồng.

- Bị cáo D khai: Thống nhất hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng thể hiện; thống nhất số tiền đánh bạc. Ngày 06/7/2022, bị cáo H gửi chuyển tiếp 10 phoi số đề, 06 tin nhắn của N4, B1, T3, L, người sử dụng tài khoản Zalo “Vt” cho bị cáo, số tiền 25.424.000 đồng, khách trúng 19.560.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 44.984.000 đồng. Bị cáo không nhớ rõ số tiền thu lợi, dùng số tiền này để trang trải sinh hoạt gia đình.

- Bị cáo L khai: Thống nhất hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng thể hiện; thống nhất số tiền đánh bạc. Ngày 06/7/2022 bị cáo sử dụng tài khoản Zalo “Loan G1” gửi 01 tờ phoi cho H, số tiền trên phoi 8.475.000 đồng, trúng thưởng 15.600.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 24.075.000 đồng. Số tiền mua đề, thua đề nhiều hơn trúng nên không thu lợi.

- Bị cáo B1 khai: Thống nhất hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng thể hiện; thống nhất số tiền đánh bạc. Ngày 06/7/2022 bị cáo sử dụng tài khoản Zalo “1 Chi ba” gửi cho bị cáo H 02 tờ phôi, 01 tin nhắn mua số đề, số tiền 4.789.000 đồng, B1 trúng thưởng 2.360.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc 7.149.000 đồng. Số tiền mua đề, thua đề nhiều hơn trúng nên không thu lợi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Võ Thị N4 trình bày thống nhất với nội dung cáo trạng đã nêu. Ngày 06/7/2022 N4 sử dụng tài khoản Zalo “Chị T6” gửi 05 tờ phôi đề, số tiền 3.660.000 đồng, không trúng thưởng. Số tiền này hiện nay Công an thu giữ. N4 không có ý kiến gì về số tiền bị thu giữ này, tùy Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H về tội đánh bạc theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo S, D, L, B1 về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng là đồng phạm giản đơn; nhưng cần căn cứ tính chất và mức độ tội phạm do các bị cáo thực hiện để phân hóa vai trò, trách nhiệm, cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

+ Đối với bị cáo H vừa tham gia bán số đề, vừa nhận phôi đề của các bị cáo khác để tự giữ lại một phần để tính thắng thua với người mua số đề, còn lại chuyển cho các chủ thầu đề khác để hưởng huê hồng. Nhân thân bị cáo từng một lần bị kết án về tội đánh bạc thì hơn ai hết, bị cáo biết rất rõ quy định pháp luật nghiêm cấm đối với loại tệ nạn xã hội này và phải chịu hình phạt. Nhưng bị cáo chỉ vì hám lợi, bất chấp pháp luật, tham gia đánh bạc 05 lần, trong đó có lần số tiền đánh bạc 91.384.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá từ 50.000.000 đồng trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Nhận thấy tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo H có vai trò cao hơn, nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn các đồng phạm khác trong vụ án.

+ Đối với bị cáo S giữ vai trò đồng phạm là người thực hành, trực tiếp ghi bán số đề thuê, giao nộp cho bị cáo H để được hưởng tiền huê hồng; Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 05/7/2022, bị cáo tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi bán số đề được thua bằng tiền tổng cộng 04 lần. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với các bị cáo D giữ vai trò là chủ thầu số đề, trực tiếp nhận một số phôi đề của bị cáo H chọn lọc gửi để tính thắng thua với người mua số đề. Trong ngày 06/7/2022, bị cáo D nhận được của bị cáo H chuyển 10 phôi số đề, 06 tin nhắn của N4, B1, T3, L, người sử dụng tài khoản Zalo “Vt”, số tiền trên phôi 25.424.000 đồng, qua đối chiếu kết quả xổ số, khách trúng 19.560.000 đồng,

tổng số tiền đánh bạc 44.984.000 đồng. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự; tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội thấp hơn bị cáo H.

Đối với các bị cáo B1, L là người tham gia mua số đề của bị cáo H, số tiền đánh bạc từng lần của các bị cáo trên 5.000.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo B1, L phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với số tiền đánh bạc của từng người đã tham gia, có tính chất, mức độ thấp hơn bị cáo khác.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo H, S, D, L, B1 thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; các bị cáo D, L, B1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; bị cáo H còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là người khuyết tật nặng*”; bị cáo L, D có người thân thích là người có công với cách mạng (cha, mẹ ruột bị cáo L; ông nội bị cáo D có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương cao quý); các bị cáo H, S phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm i, s, p khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Nhận thấy bị cáo H không tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51), tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm là người thực hành giúp sức, làm trung gian để nhận và chuyển các phôi đề cho chủ thầu số đề; bản thân bị cáo đang bị khuyết tật nặng, khó khăn trong sinh hoạt. Cần thiết xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng nằm trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để cân nhắc, quyết định mức hình phạt phù hợp, giúp bị cáo nhận thức được sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh gia đình, nhân thân của các bị cáo D, S, L, B1 không tiền án, tiền sự; các bị cáo nhất thời tham gia đánh bạc để có tiền chi tiêu trang trải cuộc sống gia đình, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có người thân thích là người có công cách mạng; vì vậy, cần thiết xem xét cho các bị cáo D, S, L, B1 được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng loại hình phạt khác cũng đảm bảo tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính, áp dụng:

- Điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, p khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo D 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L, B1 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang được hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người khuyết tật nặng, không khả năng tài chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Trong thời gian đánh bạc ghi bán số đề, bị cáo S thu lợi bất chính khoảng 1.500.000 đồng, buộc bị cáo S giao nộp số tiền 1.500.000 đồng, tịch thu sung ngân sách Nhà nước; bị cáo H, L, B1 mua, bán số đề, thua nhiều hơn trúng, không thu lợi nên không buộc phải giao nộp.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 14.054.000 đồng (của S 1.080.000 đồng; của H 4.525.000 đồng; của N4 3.660.000 đồng; của B1 4.789.000 đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno4, gắn sim số 0949.912.940 (của S); 02 điện thoại di động dùng vào việc ghi bán, nộp phôi số đề (của H); 01 điện thoại di động Vivo Y55, gắn sim số 0818.583.338 (của B1); 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus 0917.070.974 (của L).

Trả lại cho bị cáo S 13.950.000 đồng; bị cáo D 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, gắn sim số 0982.297.759;

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 03 tờ phôi đề lẻ và 03 tờ phôi đề tổng, số tiền thể hiện trên các phôi đề theo kết quả xổ số kiến thiết đài thành phố Cần Thơ, mở thưởng ngày 06/7/2022 là 2.181.000 đồng, 01 tờ phôi số đề ghi bán ngày 06/7/2022.

Tịch thu, tiêu hủy: 04 viết mực xanh, 01 giấy scan màu xanh.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Về các vấn đề khác:

Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo H, D1, D, L, B trước ngày 04/7/2022, ngoại lời khai của các bị cáo thì không còn chứng cứ khác nên C2 qaun điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với Võ Thị N4, Nguyễn Thị Đài T3, Nguyễn Văn L2, Trần Thị T4 có hành vi đánh bạc trái phép dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

- Người bào chữa cho bị cáo H, bà Lê Hồ Bích H1 trình bày: Thống nhất luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét thêm cho bị cáo H hiện tại không đi đứng và sinh hoạt bình thường như những người khác nên đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án khoan hồng nhẹ nhất là từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Người bào chữa cho bị cáo S, Luật sư Đào Ngọc Q trình bày: Thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình; bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính chứng tỏ bị cáo cũng đã ăn năn hối cải về việc làm của mình; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không cần cách ly (phạt tù) bị cáo mà xem xét phạt tiền với số tiền thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị cũng đủ để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo D, Luật sư Nguyễn Thành T1 trình bày: Thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấu tình đạt lý, cụ thể như: Bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có người thân thích là người có công cách mạng (ông nội có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương cao quý, cha của D có thành tích xuất sắc trong công tác, được UBND tỉnh và Liên đoàn Lao động tỉnh A tặng thưởng bằng khen.

Thực tế tại phiên tòa hôm nay, bị cáo D đã tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, thừa nhận sai phạm của bản thân, thành khẩn sửa chữa lỗi lầm. Mặt khác, bị cáo có nghề nghiệp ổn định, là lao động chính nuôi gia đình (mua bán tạp hóa), chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng. Từ khi bị khởi tố bị cáo đã ăn năn hối cải; luôn chấp hành đúng pháp luật trong suốt thời gian được tại ngoại và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Bên cạnh, hiện nay hoàn cảnh gia đình của bị cáo đang gặp rất nhiều khó khăn cha mẹ già yếu và thường xuyên đau ốm; 02 con còn nhỏ đang tuổi ăn, tuổi học nên chồng bị cáo không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo, nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo L, Luật sư Nguyễn Ngọc C1 trình bày: Thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng trong vụ án. Cụ thể: Bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình, tích cực hợp tác với cơ quan Điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án để đưa ra xét xử, phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo xuất thân từ gia đình cách mạng nên có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, thuộc thành phần nhân dân lao động nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế. Từ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không cần cách ly (phạt tù) bị cáo khỏi xã hội mà xử phạt tiền với số tiền thấp nhất là 20.000.000 đồng cũng đủ để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

- Trong phần tranh luận, Luật sư thống nhất với luận tội của Kiểm sát viên nên không trình bày đối đáp.

- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng; phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Biên bản khám xét; Biên bản kiểm tra thông tin lưu giữ trong điện thoại di động; Kết luận giám định của Phòng K1 - Công an tỉnh A; Sao kê tài khoản từ Ngân hàng; phù hợp với vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định các bị cáo H, S, D, L, B1 đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề được thua bằng tiền có giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên cụ thể:

Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 05/7/2022 bị cáo S đã đánh bạc 04 lần, mỗi lần trên 5.000.000 đồng. Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 06/7/2022 bị cáo H đánh bạc 05 lần gồm 04 lần với vai trò đồng phạm của bị cáo S và 01 lần vào ngày 06/7/2022 số tiền 91.384.000 đồng. Ngày 06/7/2022 bị cáo D đánh bạc với số tiền 44.984.000 đồng; bị cáo L đánh bạc với số tiền 24.075.000 đồng; bị cáo B1 đánh bạc với số tiền 7.149.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội đánh bạc; các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm đến trật tự công cộng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo H đánh bạc số tiền trên 50.000.000 đồng (91.384.000 đồng) nên bị truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình; các bị cáo S, D, L, B1 số tiền đánh bạc dưới 50.000.000 đồng nên truy tố theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đánh bạc trái phép là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh đô thị và gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, cần phân hóa vai trò để xem xét, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

- Đối với bị cáo H, vừa tham gia bán số đề, vừa nhận phôi đề của các bị cáo khác để tự giữ lại một phần để tính thắng thua với người mua số đề, còn lại chuyển cho các chủ thầu đề khác để hưởng huê hồng. Bị cáo H đánh bạc với số tiền đánh bạc 91.384.000 đồng nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

- Đối với bị cáo S giữ vai trò đồng phạm là người thực hành, trực tiếp ghi bán số đề thuê, giao nộp cho bị cáo H để được hưởng tiền huê hồng. Bị cáo đã thực hiện đánh bạc 04 lần nên Hội đồng xét xử có xem xét đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đối với bị cáo D nhận các phôi đề của bị cáo H chuyển đến với số tiền đánh bạc 44.984.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

- Đối với bị cáo L, B1 cùng tham gia đánh bạc với bị cáo H; L tham gia đánh bạc số tiền 24.075.000 đồng, B1 tham gia đánh bạc số tiền 7.149.000 đồng nên mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo S, D, L, B1 thì không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội do phạm tội phạm ít nghiêm trọng vì vậy đối với các bị cáo này Hội đồng xét xử cân nhắc phạt tiền đối với từng bị cáo. Riêng bị cáo H phạm tội nghiêm trọng nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 05/7/2022 bị cáo S đã đánh bạc 04 lần, mỗi lần trên 5.000.000 đồng. Từ ngày 04/7/2022 đến ngày 06/7/2022 bị cáo H đánh bạc 05 lần gồm 04 lần với vai trò đồng phạm của bị cáo S và 01 lần vào ngày 06/7/2022 số tiền 91.384.000 đồng nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình cụ thể:

Bị cáo H là người bị khuyết tật nặng; đã đầu thú; thành khẩn khai báo; hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo S thành khẩn khai báo; tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.500.000 đồng; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo S theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo D thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; có ông nội đạt thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác được nhà nước tặng thưởng Huân chương cao quý nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo L đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; có cha mẹ ruột đạt thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác được nhà nước tặng thưởng Huân chương cao quý nên được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo B1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 cho bị cáo Phan Thị Cẩm H thấy rằng: Bị cáo không tiền án, tiền sự; 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là người bị khuyết tật nặng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm là người thực hành giúp sức, làm trung gian để nhận và chuyển các phôi đẻ cho chủ thầu số đẻ; bản thân bị cáo đang bị khuyết tật nặng, không có chồng, con nên rất khó khăn trong lao động và sinh hoạt.

Do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng nằm trong khung hình phạt liên kề nhẹ hơn của điều luật theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Đối với bị cáo H bị khuyết tật nặng, không có chồng, con, khả năng lao động tạo ra của cải là rất hạn chế nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H. Đối với các bị cáo S, D, L, B1 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng phạt tiền bổ sung.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Bị cáo S thu lợi bất chính số tiền 1.500.000 đồng nên buộc bị cáo giao nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp xong theo biên lai thu số 0002014 ngày 07/3/2023 của Chi cục cục thi hành án dân sự thành phố K.

- Đối với số tiền thu giữ của bị cáo S 15.030.000 đồng, có 1.80.000 đồng là tiền thu được của những người mua số đẻ, dùng đánh bạc, còn lại 13.950.000 đồng là tiền cá nhân, không dùng đánh bạc. Trả lại cho bị cáo S số tiền 13.950.000 đồng.

- Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo S: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 03 tờ phôi đẻ lẻ và 03 tờ phôi đẻ tổng, số tiền thể hiện trên các phôi đẻ theo kết quả xổ số kiến thiết đài thành phố Cần Thơ, mở thưởng ngày 06/7/2022 là 2.181.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 04 cây bút mực xanh, 01 tờ giấy scan màu xanh. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Oppo Reno4, gắn sim số 0949.912.940.

- Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo H: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5, gắn sim số 0914.068.676; 01 điện thoại di động Iphone 6, gắn sim số 0827.909.507; tiền Việt Nam 4.525.000 đồng.

- Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo B1: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Vivo Y55, gắn sim số 0818.583.338; tiền Việt Nam 4.789.000 đồng;

- Đối với 02 điện thoại di động Iphone 6 Plus, gắn sim số 0982.297.759 và 0917.070.974 thu giữ của bị cáo D và bị cáo L. Tại phiên tòa bị cáo D khai điện thoại của bị cáo gắn sim số 0982.297.759 là điện thoại cá nhân không dùng

vào việc phạm tội, quá trình điều tra không tìm thấy dữ liệu dùng để đánh bạc trong điện thoại này nên trả lại cho bị cáo D. Riêng bị cáo L khai bị cáo chỉ dùng 1 điện thoại duy nhất là điện thoại có gắn sim 0917.070.974 để đánh bạc ngoài ra không dùng điện thoại khác; do đó tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại của bị cáo L.

- Đối với vật chứng thu giữ của Võ Thị N4: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền Việt Nam 3.660.000 đồng dùng đánh bạc. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 tờ phôi số đề ghi bán ngày 06/7/2022 dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Cần Thơ với số tiền thể hiện trên phôi là 3.660.000 đồng.

[9] Các vấn đề khác:

Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo H, S, D, L, B trước ngày 04/7/2022, ngoài lời khai của các bị cáo thì không còn chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với Võ Thị N4, Nguyễn Thị Đài T3, Nguyễn Văn L2, Trần Thị T4 có hành vi đánh bạc trái phép dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật. Đồng thời cần công khai, giáo dục tại phiên tòa để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an thành phố C tiếp tục xác minh, làm rõ người nam sử dụng tài khoản Zalo “Ruby”; thầu số đề sử dụng tài khoản Zalo “Ita” và người phụ nữ sử dụng tài khoản Zalo “Vt” để xem xét về hành vi đánh bạc của những người này.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Phan Thị Cẩm H phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: Phan Thị Cẩm H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo H được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 27 ngày (từ ngày 06/7/2022 đến ngày 03/10/2022).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Quách Thị Tuyết S phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: Quách Thị Tuyết S số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo Hồ Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Mỹ L, Huỳnh Thị Kim B1 phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: Hồ Thị Mỹ D số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Xử phạt: Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Xử phạt: Huỳnh Thị Kim B1 số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Buộc bị cáo Quách Thị Tuyết S giao nộp số tiền 1.500.000 đồng vào ngân sách nhà nước. Bị cáo đã nộp xong theo biên lai thu số 0002014 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

- Trả lại cho bị cáo Quách Thị Tuyết S Sương số tiền 13.950.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Hồ Thị Mỹ D 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, gắn sim số 0982.297.759.

- Lưu hồ sơ vụ án:

. 03 tờ phơi đề lẻ và 03 tờ phơi đề tổng, số tiền thể hiện trên các phơi đề theo kết quả xổ số kiến thiết đài thành phố Cần Thơ, mở thưởng ngày 06/7/2022 là 2.181.000 đồng, 04 cây bút mực xanh, 01 tờ giấy scan màu xanh.

. 01 tờ phơi số đề ghi bán ngày 06/7/2022 dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Cần Thơ với số tiền thể hiện trên phơi là 3.660.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

. 01 điện thoại di động Oppo Reno4, gắn sim số 0949.912.940; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5, gắn sim số 0914.068.676, 01 điện thoại di động Iphone 6, gắn sim số 0827.909.507; 01 điện thoại di động Vivo Y55, gắn sim số 0818.583.338; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, gắn sim số 0917.070.974.

. Tiền Việt Nam 14.054.000 đồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố C với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

6. Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Phan Thị Cẩm H, Quách Thị Tuyết S, Hồ Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Mỹ L, Huỳnh Thị Kim B1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bà N4 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ - CATPCĐ (2);
- Trại Tạm giam CATAG (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương